



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV. # 61747

VEWL. # _____

I-171 : Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUA KIM CAP
Last Middle First

Current Address 246/144 Hoa Hung F 23 District 12 T.P. HCM

Date of Birth May 31 1943 Place of Birth Long An Vietnam

Previous Occupation (before 1975) Captain - Chief of Administration Dept.
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From June 25 1975 To Jan 31 1981
LENGHT (Number of years in Camp) 6 Y. 5 M. 6 D.

3. SPONSOR'S NAME: HUU N NHAM Name

Address & Telephone _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

HUU N NHAM

Friend

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared : Sept 19 1989

SECTION III:

NAME and AKA	PLACE/DATE of BIRTH (if known)	Present Location/Address (if known)
Your Father		
Your Mother		
Step-Father		
Step-Mother		
Spouse <u>BUI THI TO UYEN</u>	<u>Jan 30 1939 Hanoi VN</u>	<u>246/144 Hoa Hung</u> <u>F 23 Dist 10 T/Phu Ly</u>
Date(s)/Place(s) of Marriage(s) and/or Divorce(s)		

SECTION IV:

List ALL your Children (living, deceased or missing; blood, step, half & adopted)

NAME and AKA	Sex	Place/Date of Birth (if known)	Present Location/Address (if known)
- KIM TUAN	M	9/6/1968 Saigon	246/144 HOA HUNG
- KIM TDAN	M	7/18/1971	F 23 Dist 10 - T/Phu Ly
- Thi KIM LOAN	F	7/10/1975	-

SECTION V:

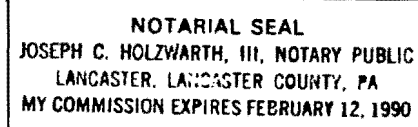
List ALL your Brothers and Sisters (living, deceased or missing; blood, step, half or adopted)

NAME and AKA	Sex	Place/Date of Birth (if known)	Present Location/Address (if known)

SECTION VI: Additions/Explanations

I swear that the information in this statement is true to the best of my knowledge, and understand that any false statement could jeopardize my immigration status in the United States

[Signature]
Your signature
Stamp or Seal of Notary



Subscribed and sworn to before me this
day of SEP 20 1989

[Signature]
Signature of Notary Public
My Commission expires: _____

Name and signature of agency representative who assisted in preparing this Affidavit:

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten

HUA Kim CAO
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLAC.

May 31 1983
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

(Nam, noi

SEX (Nam hay Nu)

: Male (Nam): ☒Female (Nu): ☐

MARITAL STATUS

Single (Doc than): ☐ Married (Co lap gia dinh): ☒

(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM

(Dia chi tai Viet-Nam)

246/144 Hoa Hung F23 Dist 10 T/P HCMPOLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ☒ No (Khong) ☐If Yes (Neu co): From (Tu): 6/25/75 To (Den): 01/31/81

PLACE OF RE-EDUCATION:

CAMP (Trai tu)

HAM TAN

PROFESSION (Nghe nghiep):

Military man

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My):

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac):

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): CaptainJune 5 1967 Date (nam): 4/30/75APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): ☒IV Number (So ho so): 61747No (Khong): ☐NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 4

(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 246/144 Hoa Hung F23-Dist 10T/P HCM

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):

HUU N NHAMU.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): ☒No (Khong): ☐

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN):

Friend

NAME & SIGNATURE:

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT

(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

HUU N NHAM2516 Willow Street PikeWillow Street, PA 17584717-464-3423

DATE:

Sept
Month (Thang)19
Day (Ngay)1989
Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HUA VAN CAO
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
BUI THI TO UYEN	1/20/39	WIFE
HUA KIM TUAN	9/6/68	SON
HUA KIM TOAN	7/18/71	-
HUA THI KIM LOAN	7/10/75	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

5. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635
TELEPHONE: (703)-998-7850

ASSOCIATION OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS' FAMILY...
Hội Gia-Đình Tù nhân Chính-Trị Việt-Nam

VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS' DATA (OUT OF CAMP) ...
Phiếu dữ kiện dành cho tù nhân Cải tạo VII và được thả

1. FULL NAME OF INFORMATION PROVIDER: (Last.) (First) (Middle)
Tên, họ người cung cấp dữ kiện: HUU N NHAM No 11477614
2. NATURALIZATION CERT / ALIEN #
Số CC Quốc tịch/Thẻ Thường trú: 2516 Willow Street Pike
Willow Street, PA 17584
3. PRESENT ADDRESS & PHONE #:
Địa chỉ hiện tại & Số ĐT: 717-464-3423
4. RELATIONSHIP:
Liên hệ gia đình (với tù nhân Cải tạo): Friend
5. FULL NAME OF EX. POLITICAL PRISONER:
Tên, họ Cựu tù Cải tạo: CAO HUA VAN
6. DATE AND PLACE OF BIRTH: (Mo/Date/Yr)
Tháng/Ngày/Năm và Nơi sinh: May 31 - 1943
7. POSITION/RANK/MOS# (Before 4/75)
Chức vụ/Cấp bậc/Số quân (Trước 4/75): Chief of Administration dept. Captain
63/141.297
8. LAST POSITION/UNIT OF SERVICE:
Cơ quan/Đơn vị phục vụ sau cùng: 10th QM Base depot.
9. MONTH/DATE/YEAR ARRESTED:
Tháng/Ngày/Năm bị giam giữ: June 25 1975
10. MO/DATE/YR OUT OF CAMP:
Tháng/Ngày/Năm được thả: (Nếu có, Xin đính kèm 1 bản Photo Giấy Trả Tự do) Jan 31 1981
11. PRESENT MAILING ADDRESS OF EX. P/PRISONER IN VN:
Địa chỉ 1/1 hiện tại với Cựu tù nhân tại VN: 246/144 Hoa Hung F23 Dist. 10
TP HCM
- LIST FULL NAME/DODABOD OF EX. P/PRISONER'S IMMEDIATE FAMILY & MOTHER/FATHER:
Tên, họ/Ngày/thg/năm sinh & Nơi sinh Gia đình Cựu tù nhân kể cả Cha/Mẹ ruột:
- Bui Thu TO UYEN 1/30/39 Hanoi VN wife
- HUA Kim TUAN 9/06/68 Saigon son
- HUA Kim TOAN 7/18/71 -
- HUA Thi Kim Loan 7/10/75 - daughter
12. HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR FAMILY RE-UNIFICATION? Yes
Bạn đã có nộp đơn xin đoàn tụ gia đình chưa?
IF YOU HAVE (Nếu đã)
a. ODP/BANGKOK IV # (Số IV hồ sơ Đoàn Tụ của ODP/BKK) 61747
- b. DATE OF NOTICE APPROVAL FROM I-171 INS/FORM: not yet
Ngày cấp thông báo thuận nhập cảnh trong mẫu I-171: (Nếu có, Xin kèm một bản photo mẫu I-171)
- COMMENT/RECOMMENDATIONS:
Ý kiến/Đề nghị: ask priority go to USA

Huu N. Nham
SIGNATURE OF INFO. PROVIDER
Chữ ký của người điền Phiếu.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BẢN KÊ TƯỜNG-MẠO VÀ QUÂN-VỤ

QUÂN-ĐỘI VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

của Trung-sĩ I/NQ/NH. BUI THI TỐ HUÂN

số quân 59/100.043

LOẠI C

HỌ TÊN		NHÂN DẠNG	
Sinh ngày 10.1.1939	Tại xã Hà Nội	Tóc	
Quận	Tỉnh Hà-Nội (NV)	Mắt	
Nghề nghiệp //		Trần	
Con của ông Bùi-công-An	và Bà Nguyễn-thị-Cập	Mũi	
Hiện ở tại 526/19 Phan-dinh-phụng SÀI GON		Mặt	
Kết hôn ngày 1967	với Ông HUA-XIN-CAO	Chiều cao : 1 th	
ở tại		Dầu tích đặc biệt	
Giấy phép số 2.358/QP/QH/HN/HĐ ngày 27/12/1966.			
của Bộ Quốc-phòng.			

Quốc-tịch

Nhập ngũ vào Quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa trong thời hạn năm

Kể từ ngày Nguyên trước ở

Với tư cách Và giữ cấp bậc

CÔNG VỤ LIÊN TIẾP

- Tinh nguyện đầu quân trong một thời hạn 3 năm ngày 2.4.1962 với tinh thần tận tụy và có thể giải ngũ được trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày ký giấy đầu quân trước Trung-Tá Giám-Đốc Nha Xã-Hội QĐVNCH để phụng sự tại Nha Xã-Hội QĐVNCH đến cơ với chức NPT/Cấp 6 ngày 2.4.62. QĐ. số 0775/QP/NV/NVQB/NPT ngày 25.4.62. Khả ước được xác nhận bởi Sở HCTC số 6 dưới số thứ tự 014971 ngày 2/6/1962.
- Đặt thuộc quyền sử dụng của Nha Xã-Hội QĐVNCH k/t ngày 4.2.62 để theo học khóa NPT/XH do LTC số 2769/QP/NV/NVQB/LC/NPT ngày 25.4.62.
- Đi thực tập tại Ban Xã-Hội Biệt-dộng-quân k/t ngày 1.11.62 do SVVT số 4940/QP/XH/HQNV ngày 2.11.62.
- Được cấp BC2/Xã-Hội k/t ngày 1.11.62 do QĐ. số 7112/QP/XH/HQNV ngày 2.12.1962.
- Thăng cấp 5 k/t ngày 1.11.1962 do Xấp-dịnh số 103/QP/NV/HĐ ngày 18.1.1963.
- Phân phối đến Ban Xã-Hội Biệt-dộng-quân k/t ngày 28.1.1963 do SVVT số 440/QP/XH/HQNV ngày 31.1.1963.
- Thuyển chuyển đến Phòng Xã-Hội/BĐQ k/t ngày 28.1.1963 do LTC số 825/QP/NV/BĐQ ngày 14.2.1963.
- Được nhập thăng lương 2 k/t ngày 1.7.1963 do QĐ. số 3126/QP/XH/HQNV ngày 1.7.1963.

VIETNAMESE LEAGUE OF ORANGE COUNTY, INC.
HIỆP HỘI VIỆT NAM TẠI ORANGE COUNTY

10526 BOLSA AVE., GARDEN GROVE, CA 92643
TEL: (714) 554-0652 & 554-0712

Ministry of Interior
Re-education Camp
Ham Tan.

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence-Liberty-Happiness

CERTIFICATE OF RELEASE

According to the Act No.966 BCA/TT/ dated May 31, 1961 of the Ministry of Interior.

To carry out the Act for release No.03/OD/ dated Jan. 18, 1981 of the Ministry of Interior.

This certificate is issued to:

Full name: HUA KIM CAO
Date/Place of birth: 1943 at Long An.
Residence: 441/46/2 Nguyen Dinh Chieu, district 3,
Ho Chi Minh city.
Ex-Rank: Captain-Chief of Administration Dept.
Arrested date: June 25, 1975
Condemnation: TTCT (Re-education Camp).
Residence after being released: Not allow to reside
at City, the local authority will deter-
mine the other residence.

EVALUATION ON RE-EDUCATION PROCESS

Thought: Has been content with his training, in the re-education camp. Has no signs of bad conduct. Has believed in the clement policy of the Revolutionary Government.

Labour: Has performed his assigned works co-operatively.

Internal Regulations: Has complied with all camp regulations, has no severe violations.

Education: Good participated in the education, acknowledged his past offences.

(12 months in probation)

Right index print of
Hua Kim Cao.

Signature of bearer.
Hua Kim Cao

Made on January 31, 1981

Supervisor
Signed & Sealed
Pham Hue, Major.

No. 278/82/
Copy from the original
Certified by: People
People Committee P9, Q.3
On April 4, 1982
Signed & Sealed
Bui Luong Dung

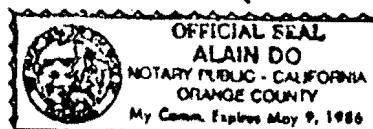
Certified Mr. Hua Kim
Cao has appeared before
TBQLNCTDV/Q3 on Feb. 3, 81.
On Feb. 3, 1981
Le hong Hiep

Police P.9, Q.3
certifies Mr. Cao
has appeared before
Police P.9, Q.3.
Feb. 2, 1981

I, KIM SINH PHAM, attest to my competency to translate from Vietnamese into English, and I certify that this is a correct English translation of all pertinent information from the Vietnamese original.

NOTARY PUBLIC

Subscribed and sworn to before me
this 6th day of Sept, 1984.
Alain Do Notary Public California



Alain Do

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966/BCA/TT ngày 31.5.1961 của Bộ Nội Vụ
Thi hành quyết định tha số 05/QĐ ngày 18.1.1961 của Bộ Nội Vụ
Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây :

Họ và tên khai sinh : HỮU KIM CAO
Họ tên thường gọi :
Họ, tên bí danh :
Sinh năm : 1943
Nơi sinh : Long an
Trú quán : 441/46/2 Nguyễn đình Chiếu quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh
Cán tội : Đại úy - Trưởng Khối Hành chánh
Bị bắt ngày : 25.6.1975
Án phạt : TTCT
Nay về cư trú tại : (Không được cư trú trong thành phố, các nơi
khác do chính quyền địa phương quy định)

NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH CẢI TẠO

Tư tưởng : An tâm cải tạo không có biểu hiện gì xấu, tin tưởng vào chính
sách khoan hồng của Cách mạng
Lao động : Đảm bảo ngày công, hoàn thành công việc được giao phó có chất
lượng.
Nội quy : Chấp hành nghiêm chỉnh không sai phạm gì lớn.
Học tập : Tham gia học tập đều nhận thấy được tội lỗi.

(Quản chế 12 tháng)

Lên tay ngón trở phải
của HỮU KIM LONG
(Đã lên ngón trở)

Họ, tên chữ ký của người
được cấp giấy
(Đã ký tên)
HỮU KIM CAO

Ngày 31 tháng 3 năm 1981
GIÁM THI
(Đã ký tên và đóng dấu)
Thiếu tá : PHẠM HỮU

Số 432/89/88

CHỖ NHẬN GIỐNG Y

Xuất trình



THE UNITED STATES ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

CPR ID = 518
RUN DATE: 05/23/83
PAGE NO. 645

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

Name: NGUYEN THI CAP

Other names used:

Sex: F DOB: (emddy) 00/00/15 CCH: VN
Address in Vietnam:CHIEU
441/46/2 DUONG NGUYEN DINH CTEB, P.9, C.84,
T.P. HO CHI MINH, VIETNAM

WORKSHEET FOR FILE NUMBER IV C61747

SPONSOR IN THE UNITED STATE

I
I Name: BUI THI BACH TUYET
I
I DOB: (emddy) 11/00/40 CCH: VIETNAM
I
I Address:
I
I Telephone (Home): (Business): / /
I
I Category: REF PRI USC

ACCOMPANYING RELATIVES

FALCON
NM DE YYDocumentation
ACT GVN

PHOTO

OTHER

NAME	Sex	DOB	Rel.	COB	FALCON	Documentation	PHOTO	OTHER
	M/F	MM DD YY	PA		NM DE YY	ACT GVN		
1. NGUYEN THI CAP	F	00 00 15	PA	VN	--	--	--	1.
2. BUI THI TO UYEN	F	01 30 59	CA	VN	--	--	--	2.
3. HUA KIM CAG	M	03 31 47	SL	VN	--	--	--	3.
4. HUA KIM TUAN	M	09 06 64	GS	VN	--	--	--	4.
5. HUA KIM TOAN	M	07 18 71	GS	VA	--	--	--	5.
6. HUA THI KIM LOAN	F	07 10 75	GD	VN	--	--	--	6.
7.					--	--	--	7.
8.					--	--	--	8.
9.					--	--	--	9.
10.					--	--	--	10.
11.					--	--	--	11.
12.					--	--	--	12.
13.					--	--	--	13.
14.					--	--	--	14.

FOR OFFICIAL USE ONLY

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

SPONSOR IN THE UNITED STATES

Symbol: 11 Priority Date: 04/12/82 Rel-Sponsor to PA: PA I I-130 AOR ADS EC ECT MC NCT GVN PHOTO OTHER
VFML #: SRV #: JKL: I -- -- -- -- -- -- -- -- -- --
USG Empl/Training (Cat 2): --/--/-- to --/--/--
Pvt US Empl/Training (Cat 3-AC): --/--/-- to --/--/--
GVN/RVNAP SVC: -- US Comdpt AOC: -- ReEd Camp: --/--/-- to --/--/--
CAT 1 PKT: --/--/-- FLUP: --/--/-- OTHER: --
CAT 2/3 PKT: --/--/-- FLUP: --/--/-- OTHER: --
Replst by: -- ON: --/--/-- LOI Sents: --/--/-- NOTIFIED OF EXIT PERMIT --/--/-- PERMIT # -- FEEDBACK LIST --
Other Actions: -- Medical Prog: --
VOLAG NAME: --
VOLAG ASSUP: Sought --/--/-- Incc: --/--/-- V #: -- MAN #: -- RECONF: Sought --/--/-- Reen --/--/--
POSSIBLE DUPE: N -- -- -- -- -- -- -- -- -- --
REF IV #:

QUARTERMASTER VETERANS MUTUAL ASSISTANCE ASSOCIATION

Phone

September 21 1989

PHIEU GOI

Ho so cua	So luong	Nguoi bao-tro va dia-chi
1-Nguyen cong Truc	2	-Tran van Nhan
2-Nguyen tan Bo	2	-Nguyen tan Loi
3-Nguyen huu Lac	2	-Pham ngoc Hai
4-Hoang van Yen	2	-Hoang trong Son
5-Do dang Phuoc	2	-Do tan Tam
6-Vu xuan Thu	2	-Do tan Tam "
7-Dinh van Lai	2	-Dinh huynh Hung
8-Nguyen Thoan	2	-Nham ngoc Huu
9-Bui huy Thieu	2	-Nham ngoc Huu "
10-Lam kim Trung	2	-Nham ngoc Huu "
11-Hua kim Cao	2	-Nham ngoc Huu "
12 Bui quang Trat	2	-Bui kim Nga

Noi nhan.-

Hoi Gia-dinh Tu nhan Chinh tri Viet nam
Ho so - Luu

Hoi-truong

Nham ngoc Huu

Nham ngoc Huu

HUAVANCO
Family

10 July 1966



HUÁ-KIM-TUAN
1971

HUÁ-KIM-TUAN
1968

HUÁ-THI-KIM-LOAN
1975



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE 703-560-0058



POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# 61747

VENL.#

I-171 : Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUA Kim Cap
Last Middle First

Current Address 246/144 Hoa Hung F 23 District 10 TP HCM

Date of Birth May 31 1943 Place of Birth Lang An Vietnam

Previous Occupation (before 1975) Captain Chief of Administration Dept.
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From June 25 1975 To Jan 31 1981
LENGHT (Number of years in Camp) 6 Y. 5 M. 6 D.

3. SPONSOR'S NAME: HUU N NHAM Name
Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship
<u>HUU N NHAM</u>	<u>Friend</u>

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared : Sept 19 1989

AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

PAGE 2

SECTION III:

NAME and AKA	PLACE/DATE of BIRTH (if known)	Present Location/Address (if known)
Your Father		
Your Mother		
Step-Father		
Step-Mother		
Spouse <u>BUI THI TO UYEN</u>	<u>Jan 30 1939 Hanoi VN</u>	<u>246/144 Hoa Hung F 23 Dist 10 TP HCM</u>
Date(s) / Place(s) of Marriage(s) and/or Divorce(s)		

SECTION IV:

List ALL your Children (living, deceased or missing; blood, step, half & adopted)

NAME and AKA	Sex	Place/Date of Birth (if known)	Present Location/Address (if known)
- KIM TUON	M	9/6/1968 Saigon	246/144 HOA HUNG
- KIM TOAN	M	7/18/1971	F 23 Dist 10 - TP HCM
- THU KIM LOAN	F	7/10/1975	-

SECTION V:

List ALL your Brothers and Sisters (living, deceased or missing; blood, step, half or adopted)

NAME and AKA	Sex	Place/Date of Birth (if known)	Present Location/Address (if known)

SECTION VI: Additions/Explanations

I swear that the information in this statement is true to the best of my knowledge, and understand that any false statement could jeopardize my immigration status in the United States.

John V. Nhan
Your signature
Stamp or Seal of Notary

Subscribed and sworn to before me this
day of SEP 20 1989.

NOTARIAL SEAL
JOSEPH C. HOLZWARTH, III, NOTARY PUBLIC
LANCASTER, LANCASTER COUNTY, PA
MY COMMISSION EXPIRES FEBRUARY 12, 1990

Signature of Notary Public

My Commission expires:

Name and signature of agency representative who assisted in preparing this Affidavit:



INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten HUA KIM CAO
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLAC May 31 1943
(Nam, noi) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): ☒ Female (Nu): ☐

MARITAL STATUS Single (Doc than): ☐ Married (Co lap gia dinh): ☒
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 246/144 Hoa Hung #23 Dist 10 T/P HCM
(Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ☒ No (Khong) ☐
If Yes (Neu co): From (Tu): 6/25/75 To (Den): 01/31/81

PLACE OF RE-EDUCATION: HAM TAN
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Military man

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My):
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Captain
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Chief of Administration Dept
June 5 1967 Date (nam): 4/20/75

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): ☒
IV Number (So ho so): 61747
No (Khong): ☐

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 4
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti.

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 246/144 Hoa Hung #23 Dist 10
T/P HCM

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
HUU N NHAM
2516 Willow Street Pk8
Willow Street, PA 17584

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): ☒ No (Khong): ☐

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Friend

NAME & SIGNATURE: HUU N NHAM
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

DATE: Sept 19 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HUA VAN CAO
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
BUI THI TO UYEN	1/30/29	WIFE
HUA KIM TUAN	9/6/68	SON
HUA KIM TOAN	7/18/71	-
HUA THI KIM LOAN	7/10/75	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



TO UYEN



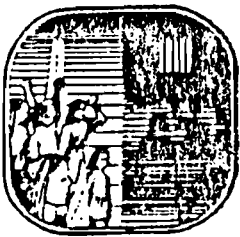
KIM TUAN



KIM TOAN



KIM LOAN



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635

TELEPHONE: (703)-998-7850

ASSOCIATION OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS' FAMILY
Hội Gia-Đình Tu nhân Chính-Tạo Vietnam

VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS' DATA (OUT OF CAMP) --
Phiếu dữ kiện dành cho tù nhân Cải tạo vi đã được thả

1. FULL NAME OF INFORMATION PROVIDER: (Last,) (First) (Middle)
Tên, họ người cung cấp dữ kiện: **HUU N NHAM** No **11477614**
2. NATURALIZATION CERT / ALIEN #
Số CC Quốc tịch / Thẻ Thường trú: **2516 Willow Street Pike**
Willow Street, PA 17584
3. PRESENT ADDRESS & PHONE #:
Địa chỉ hiện tại & Số ĐT: **717-464-3423**
4. RELATIONSHIP:
Liên hệ gia đình (với tù nhân Cải tạo): **Friend**
5. FULL NAME OF EX. POLITICAL PRISONER:
Tên, họ Cựu tù Cải tạo: **CAO HUA VAN**
6. DATE AND PLACE OF BIRTH: (Mo/Date/Yr)
Tháng/Ngày/Năm và Nơi sinh: **May 31 - 1943**
7. POSITION/RANK/MOS# (Before 4/75)
Chức vụ/Cấp bậc/Số quân (Trước 4/75) **Chief of Administration dept. Captain**
63/141.297
8. LAST POSITION/UNIT OF SERVICE:
Cơ quan/Đơn vị phục vụ sau cùng: **10th QM Base depot.**
9. MONTH/DATE/YEAR ARRESTED:
Tháng/Ngày/Năm bị giam giữ: **June 25 1975**
10. MO/DATE/YR OUT OF CAMP:
Tháng/Ngày/Năm được thả: (Nếu có, Xin đính kèm 1 bản Photo Giấy Trả Tự do) **Jan 31 1981**
11. PRESENT MAILING ADDRESS OF EX. P/PRISONER IN VN:
Địa chỉ l/đ hiện tại với Cựu tù nhân tại VN: **246/144 Hoa Hung #23 Dist 10**
T/P HCM
- LIST FULL NAME/DOB&POB OF EX. P/PRISONER'S IMMEDIATE FAMILY & MOTHER/FATHER:
Tên, họ/Ngày/thg/năm sinh & Nơi sinh Gia đình Cựu tù nhân kể cả Cha/Mẹ ruột:
- **Bui Thu TO UYEN 1/30/39 Hanoi VN wife**
 - **HUA Kim TUAN 9/06/68 Saigon son**
 - **HUA Kim TOAN 7/18/71 -**
 - **HUA THAI Kim Loan 7/10/75 - daughter**
12. HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR FAMILY RE-UNIFICATION? **yes**
Ô/Bã có nộp đơn xin ĐOÀN TỤ GIA ĐÌNH chưa?
IF YOU HAVE (Nếu đã)
a. ODP/BANGKOK IV # (Số IV hồ sơ Đoàn Tụ của ODP/BKK) **61747**
- b. DATE OF NOTICE APPROVAL FROM I-171 INS/FORM: **not yet**
Ngày cấp thông báo thuận NIỆP CẢNH trong mẫu I-171: (Nếu có, Xin kèm một bản photo mẫu I-171)

COMMENT/RECOMMENDATIONS:
Ý kiến/Đề nghị:

ask priority go to USA

Nhan N Nhan
SIGNATURE OF INFO. PROVIDER
Chủ ký của người điền Phiếu.

VIETNAMESE LEAGUE OF ORANGE COUNTY, INC.

THIỆP HỘI VIỆT NAM TẠI ORANGE COUNTY

10526 BOLSA AVE., GARDEN GROVE, CA 92643

TEL: (714) 554-0652 & 554-0712

Ministry of Interior
Re-education Camp
Ham Tan.

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence-Liberty-Happiness

CERTIFICATE OF RELEASE

According to the Act No.966 BCA/TT/ dated May 31, 1961 of the Ministry of Interior.

To carry out the Act for release No.03/QD/ dated Jan. 18, 1981 of the Ministry of Interior.

This certificate is issued to:

Full name: HUA KIM CAO
Date/Place of birth: 1943 at Long An.
Residence: 441/46/2 Nguyen Dinh Chieu, district 3,
Ho Chi Minh city.
Ex-Rank: Captain-Chief of Administration Dept.
Arrested date: June 25, 1975
Condemnation: TTCT (Re-education Camp).
Residence after being released: Not allow to reside
at City, the local authority will deter-
mine the other residence.

EVALUATION ON RE-EDUCATION PROCESS

Thought: Has been content with his training, in the re-education camp. Has no signs of bad conduct. Has believed in the clement policy of the Revolutionary Government.

Labour: Has performed his assigned works co-operatively.

Internal Regulations: Has complied with all camp regulations, has no severe violations.

Education: Good participated in the education, acknowledged his past offences.

(12 months in probation)

Right index print of
Hua Kim Cao.

Signature of bearer.
Hua Kim Cao

Made on January 31, 1981

No. 278/82/

Copy from the original

Certified by: People

People Committee P9, Q.3

On April 4, 1982

Signed & Sealed

Bui Luong Dung

Certified Mr. Hua Kim

Cao has appeared before

TBQLNCTDV/Q3 on Feb. 3, 81.

On Feb. 3, 1981

Le hong Hiep

Supervisor

Signed & Sealed

Pham Hue, Major.

Police P.9, Q.3

certifies Mr. Cao

has appeared before

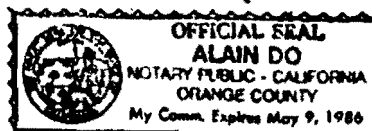
Police P.9, Q.3.

Feb. 2, 1981

I, KIM SINH PHAM, attest to my competency to translate from Vietnamese into English, and I certify that this is a correct English translation of all pertinent information from the Vietnamese original.

NOTARY PUBLIC

Subscribed and sworn to before me
this 6th day of Sept. 1984
Alain Do Notary Public California



Alain Do

BỘ NỘI VỤ
Trại : Hầm Tân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-

QUẤY M TRẠI

Theo thông tư số 966/BCA/TT ngày 31.5.1961 của Bộ Nội Vụ
Thi hành quyết định tha số 05/QĐ ngày 18.1.1981 của Bộ Nội Vụ
Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây :

Họ và tên khai sinh : HỒM KIM CAO
Họ tên thường gọi :
Họ, tên bí danh :
Sinh năm : 1945
Nơi sinh : Long an
Trú quán : 441/46/2 Nguyễn Đình Chiểu quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh
Can tội : Đại úy - Trưởng Khối Hành chánh
Bị bắt ngày : 25.6.1975
Án phạt : TTCT
Nay về cư trú tại : (Không được cư trú trong thành phố, các nơi
khác do chính quyền địa phương quy định)

NHẬN KẾT QUẢ TRÌNH CẢI TẠO

Tư tưởng : An tâm cải tạo không có biểu hiện gì xấu, tin tưởng vào chính
sách khoan hồng của Cách Mạng
Lao động : Đảm bảo ngày công, hoàn thành công việc được giao phó có chất
lượng.
Nội quy : Chấn hành nghiêm chỉnh không sai phạm gì lớn.
Học tập : Tham gia học tập đều nhận thấy được tội lỗi.
(quan chế 12 tháng)

Lên tay ngón trỏ phải
của HỮA KIM LONG
(Đã lên ngón trỏ)

Họ, tên chữ ký của người
được cấp giấy
(Đã ký tên)
HỮA KIM CAO

Ngày 31 tháng 3 năm 1981
GIÁM THI
(Đã ký tên và đóng dấu)
Thiếu tá : PHẠM HỮU

Số A32/89/8
CHÍNH NHẬN GIỐNG Y
XUẤT BẢN 13
Ngày 1 tháng 5 năm 1981
Cung 9



Nguyễn Thị Ngọc Yến

XÁC NHẬN

Anh Hứa Kim Cao HTCT về ngày
31.1.1981 có đến trình diện
tại TB QLNNHTCTDV/Q5 ngày 3.2.1981

ngày 3 . 2 . 1981
TM. TBQLNNHTCTDV / Quân 5
(Đã ký tên và đóng dấu)

LÊ HỒNG HIỆP

C. A F.9 Q.3

Có đến trình diện
TM. C.A. F.9
(Đã ký tên và đóng dấu)

Ngày 2.2.1981

MAI VĂN TIỂU

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BẢN KÊ TƯỜNG-MẠO VÀ QUÂN-VU

QUÂN-ĐỘI VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

của Trung-sĩ I/NQ/NH. ĐUI THI TỔ HUÂN

LIÊN ĐỊCHHUNG SƯ

số quân. 59/100.043

LOẠI 0

HỌ TÊN

NHÂN DẠNG

Sinh ngày 30.1.1939 Tại xã Hà Nội
 Quận Hà Nội Tỉnh Hà-Nội (NV)
 Nghề nghiệp //
 Con của ông Bùi-công-Am và Bà Nguyễn-thị-Cập
 Hiện ở tại 526/19 Phan-dinh-phùng SMI CON
 Kết hôn ngày 1967 với Ông HỮU-KIM-DAO
 ở tại Hà Nội
 Giấy phép số 2.350/QP/QĐ/HN/HT ngày 27/12/1968.
 của Bộ Quốc-phòng.

Tóc
 Mắt
 Trán
 Mũi
 Mắt
 Chiều cao : 1 th
 Dấu tích đặc biệt

Quốc-tịch

Nhập ngũ vào Quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa trong thời hạn

năm

Kể từ ngày

Nguyên trước ở

Với tư cách

Và giữ cấp bậc

CÔNG VỤ LIÊN TIẾP

- Tinh nguyện đầu quân trong một thời hạn 3 năm ngày 2.4.1962 với tinh cách tạm thời và có thể giải ngũ được trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày ký giấy đầu quân trước Trung-Tá Giám-Đốc Nha Xã-Hội QĐVNCH để phụng sự tại Nha Xã-Hội QĐVNCH đến cơ với chức NPT/Cấp 5 ngày 2.4.62. QĐ. số 0775/QP/NV/NVQB/NPT ngày 28.4.62. Khế ước được xác nhận bởi Sở HCTC số 6 dưới số thứ tự 014973 ngày 2/6/1962.
- Mất thuộc quyền sử dụng của Nha Xã-Hội QĐVNCH k/t ngày 4.2.62 để theo học khóa NPT/XH do LTC số 2769/QP/NV/NVQB/LC/NPT ngày 25.4.62.
- Đi thực tập tại Ban Xã-Hội Biệt-động-quân k/t ngày 1.11.62 do SVVT số 4940/QP/XH/HQNV ngày 2.11.62.
- Được cấp HC1/XH-Hội k/t ngày 1.11.62 do QĐ số 7112/QP/XH/HQ ngày 8.12.1962.
- Thăng cấp 5 k/t ngày 1.11.1962 do Nghị-định số 103/QĐ/NV/NĐ ngày 18.1.1963.
- Phân phối đầu Ban Xã-Hội Biệt-động-quân k/t ngày 28.1.1963 do SVVT số 440/QP/XH/HQNV ngày 31.1.1963.
- Chuyển chuyển đầu phòng Xã-Hội/BHQ k/t ngày 28.1.1963 do LTC số 825/QP/NV/NĐ số 224B ngày 14.2.1963.
- Được nhập thang lương 2 k/t ngày 1.7.1963 do QĐ số 3126/QP/XH/HQNV ngày 1.7.1963.

- Thuyên chuyển đi Trưởng SQTB Thủ-đức để theo học khóa 17 SQTB k/t I. I. 1964 do CC số 11733/6/QA của Bộ Chỉ-Huy Viên thông và LTC/TT số 626 /TTE/1/73 ngày 16.1.64 của TTT/QLVNCH, Xóa tên trong sổ kiểm danh của Trưởng cùng ngày trên.
- Đến Trưởng SQTB Thủ-đức ngày 20.12.1963.
- LTC/TT trên được điều chỉnh do LTC số 1147/TTL/TQT/QN/BN/D/K ngày 25.2.64 và k/t ngày 1.2.64 của Phòng TQT Bộ Tổng Tư-Lệnh QLVNCH.
- Thuyên chuyển đến Trưởng Quân-Nhu để theo học giai đoạn hai chuyên môn k/t ngày 16.5.1964 do LTC số 4503/TTL/TQT/QN/BN/D/K ngày 12.6.64 của Bộ Tổng Tư-Lệnh QLVNCH. Xóa tên trong sổ kiểm danh đơn vị k/t ngày trên.
- Mãn khóa Sinh-Viên Sĩ-Quan Trù Bị (17) ngành Quân-Nhu được tổ nhiệm đến : Liên đội Chung-sự k/t ngày 3.11.64 do bảng phân phối số 1704/QN/1/NH/X do ngày 27.10.64 của Nha Quân-Nhu QLVNCH. Xóa tên trong sổ kiểm tra đơn vị k/t ngày 3.11.1964. Đơn đơn vị ngày 5.11.64.
- Thăng cấp Chuẩn-ty TH k/t ngày 23.10.64 theo chiếu MB Bộ Quân-Lực số 1778/Q/MB ngày 20.11.64.
- Thăng cấp Thiếu-úy TB thực thụ ngày 23.1.66 do ND số 191/TTH/ND ngày 19.6.66 của Tổng Tham-Mưu-Trưởng QLVNCH.
- Thăng cấp Trung-úy TB thực thụ k/t ngày 23.4.1968 do ND số 237/TTH/ND ngày 23.5.68 của Đại-Tướng Tổng Tham-Mưu-Trưởng QLVNCH.
- Giữ chức vụ Trung-đội Trưởng Trung-đội 32 Chung sự k/t ngày 12.8.68 TC/QD (điều chỉnh) số 27731/QN/1/NH ngày 14.10.68 của Đại-Tể Cục-Trưởng Cục Quân-Nhu QLVNCH.
- Thăng cấp Đại-úy NC k/t ngày 1.1.1971 do ND số 76/TTH/ND ngày 30.1.71 của Đại-Tướng Tổng Tham-Mưu-Trưởng QLVNCH.
- Thuyên chuyển đến CCIO/TT/TPQT công vụ k/t ngày 16.02.1971 do LTC số 121/QN/1/NH/SQ ngày 10.02.1971 của Cục Quân-Nhu. Xóa tên trong sổ kiểm danh Trung đội 32 Chung sự k/t ngày 16.02.1971.
- Phụ-lá Trưởng Phòng Tập Vụ kiêm Trưởng Ban Quân-Xa k/t 4.3.71 (SVVT số 009/CCIO/TPQT/KHC/SQ ngày 4.3.71 của CCIO/TT/TPQT).
- Trưởng Phòng Tập Vụ kiêm Trưởng Ban Quân-Xa k/t 14.4.71 (SVVT số 017/CCIO/TPQT/KHC/SQ ngày 14.4.71 của CCIO/TT/TPQT).
- Chạm dứt Trưởng Phòng Tập vụ và còn đảm nhiệm Trưởng Ban Quân-Xa k/t ngày 23.10.71 (SVVT số 4043/CCIO/TPQT/KHC/A2 ngày 23.10.71 của CCIO/TT/TPQT. Phụ-lá Trưởng Phòng Tập Vụ kiêm Trưởng Ban Quân-Xa k/t ngày 6.1.72 (SVVT số 0063/CCIO/TPQT/KHC/VP ngày 6.1.72).
- Phụ-Tá Trưởng Phòng Tồn-Trữ k/t ngày 01.02.1972 (SVVT số 0511/CCIO/TT/TPQT/KHC/VP ngày 5.2.1972).
- Trưởng Phòng Tu-Bổ Doanh-Trại kiêm Sĩ-Quan Cứu-Hỏa và Phòng Hỏa (

- số 1092/CCIO/TPQT/KHC/VP ngày 18.03.1972).
- Thăng cấp Đại-úy thực thụ k/t 1.4.1972 do ND số 216/TTH/ND của Đại-Tướng Tổng Tham-Mưu-Trưởng QLVNCH.
- Trưởng Phòng Công vụ k/t ngày 29.3.1972 do SVVT số 1297/CCIO/TPQT/KHC/VP ngày 29.3.1972.
- Giải tổ và đổi danh hiệu k/t ngày 1.5.1974 CCIO Tồn-Trữ Thục-Phạm Quân Trang thành Căn-Cứ 10 Quân-Nhu do SVVT số 1506/TTH/P312/K/TTH/TCTV/KHCT1 ngày 23.4.74 của Bộ TTH QLVNCH. Quyền Trưởng Khối Hành-Chánh kiêm Trưởng Phòng Tiếp liệu chính cấp và BQ/TL k/t 26.8.74 do LEN số 1323/CCIO/QN/KHC/HC/QS ngày 26.8.74.-